



CALIFORNIA  
KỲ THI LÝ THUYẾT  
KHOA MỸ DUNG QUỐC GIA

BẢN TIN DÀNH CHO THÍ SINH (CIB)

**NỘI DUNG KỲ THI VÀ HƯỚNG DẪN QUAN TRỌNG**

*Vui lòng truy cập trang web của nhà cung cấp kỳ thi để biết bản tin mới nhất trước khi dự thi.*

Kỳ thi lý thuyết khoa mỹ dung quốc gia là kỳ thi cấp giấy phép cho các Nhà mỹ dung học, được phát triển bởi Hội Đồng Thẩm Mỹ Liên Tiểu Bang (NIC). Bản tin này có chứa THÔNG TIN QUAN TRỌNG về kỳ thi, bao gồm cả đề cương nội dung được đề cập trong kỳ thi lý thuyết, câu hỏi và câu trả lời mẫu. Thời gian cho phép đối với Kỳ thi lý thuyết khoa mỹ dung là 120 phút.

Đối với mỗi Kỳ thi lý thuyết quốc gia NIC, có HAI (2) phần cho mỗi Bản tin dành cho thí sinh (CIB) được lưu thành các tài liệu riêng biệt:

- **Nội dung kỳ thi và Hướng dẫn quan trọng** – Tài liệu này cung cấp thông tin về phạm vi nội dung được đề cập trong Kỳ thi lý thuyết cũng như thông tin và hướng dẫn liên quan đến việc quản lý Kỳ thi lý thuyết.
- **Tài liệu tham khảo** – Tài liệu này cung cấp danh sách các tài liệu tham khảo được sử dụng để phát triển và hỗ trợ các nội dung được đề cập trong kỳ thi. Tài liệu tham khảo này luôn giống nhau đối với các Kỳ thi lý thuyết và thực hành.

**HÃY ĐẢM BẢO VIỆC TẢI VỀ VÀ/HOẶC IN VÀ XEM XÉT CẢ HAI TÀI LIỆU TẠO THÀNH CIB CỦA KỲ THI NIC.**

**VUI LÒNG XEM KỸ LẠI TẤT CẢ THÔNG TIN!**

**HƯỚNG DẪN QUAN TRỌNG**

- Thí sinh không được rời khỏi khu vực thi nếu không được phép. Thí sinh phải xin phép để rời khỏi khu vực thi vì bất kỳ lý do gì, bao gồm đi vệ sinh hoặc khi đã hoàn thành bài thi. Thí sinh phải có thẻ căn cước có hình mới được vào lại phòng thi.
- Trừ trường hợp hướng dẫn bằng lời, giám thị và nhân viên quản lý kỳ thi không được phép trao đổi với thí sinh.
- Nếu bạn gặp tình huống khẩn cấp, vui lòng thông báo cho giám thị.
- Nội dung sau đây cung cấp các ví dụ về tài liệu và các hành động bị cấm trong quá trình tổ chức thi:
  - Mang theo điện thoại di động, máy nhắn tin, máy tính bảng, máy tính, máy chiếu, máy ảnh hoặc bất kỳ thiết bị điện tử hoặc ghi âm nào khác, tài liệu in hoặc ghi chú viết tay.
  - Trao đổi với thí sinh khác.
  - Có hành vi gây rối.
    - *Những tài liệu hoặc hành động nói trên không phải là danh sách đầy đủ. Việc không tuân thủ bất kỳ điều kiện nào trong số này hoặc có BẤT KỲ hành vi nào cho thấy thí sinh tìm cách gian lận sẽ dẫn đến việc bị đình chỉ thi ngay lập tức và hành động của thí sinh sẽ được báo cáo cho các cơ quan chức năng thích hợp.*

**ĐỀ CƯƠNG NỘI DUNG KỶ THI LÝ THUYẾT  
KHOA MỸ DUNG**

Phần dưới đây phác thảo phạm vi nội dung được đề cập trong Kỳ thi lý thuyết khoa mỹ dung quốc gia NIC. Các tỷ lệ phần trăm đại diện cho tỷ lệ phần trăm của các mục từ mỗi lĩnh vực. Kỳ thi gồm 110 mục trong đó có 100 mục trọng tâm và góp phần vào điểm số cuối cùng của thí sinh.

**LĨNH VỰC 1: CÁC KHÁI NIỆM KHOA HỌC (30%)**

**A. Thực hành an toàn và kiểm soát lây nhiễm**

1. Xác định nguyên nhân và cách thức lây truyền bệnh dịch và nhiễm trùng
2. Nhận biết mục đích và/hoặc tác dụng của các nguyên tắc kiểm soát lây nhiễm
  - a. Các mức độ kiểm soát lây nhiễm:
    - i. Vệ sinh/Làm sạch
    - ii. Tẩy trùng
    - iii. Khử trùng
  - b. Quy trình kiểm soát lây nhiễm:
    - i. Nhận biết khi có lây nhiễm chéo xảy ra
    - ii. Phòng chống lây nhiễm chéo
    - iii. Phân biệt giữa mục đích của các công cụ sử dụng một lần và nhiều lần
3. Áp dụng quy trình tiếp xúc với máu
4. Xác định yêu cầu của các cơ quan chính phủ:
  - a. Tiêu chuẩn OSHA
  - b. EPA

**B. Sinh lý học và giải phẫu ở người**

1. Xác định chức năng và cấu trúc của:
  - a. Tóc và da đầu
  - b. Da
  - c. Móng
2. Xác định các dấu hiệu và triệu chứng của tình trạng, rối loạn và bệnh tật liên quan đến:
  - a. Tóc và da đầu
  - b. Da
  - c. Móng
3. Xác định các cơ và khớp và các chức năng của chúng liên quan đến:
  - a. Đầu và mặt
  - b. Bàn tay và cánh tay
  - c. Bàn chân và cẳng chân
4. Xác định chức năng của:
  - a. Hệ thần kinh
  - b. Hệ tuần hoàn

**C. Hóa học cơ bản của các sản phẩm được sử dụng trong khoa mỹ dung**

1. Nhận biết mục đích và tác dụng của các sản phẩm và thành phần
2. Nhận biết tương tác giữa các hóa chất
3. Nhận biết tương tác vật lý với các hóa chất
4. Nhận biết các phản ứng hóa học (ví dụ: tiếp xúc quá nhiều, bong hóa chất)
5. Nhận biết độ pH hóa học

**LĨNH VỰC 2: CHĂM SÓC TÓC VÀ CÁC DỊCH VỤ (40%)**

**A. Tư vấn khách hàng, Phân tích và Lập tài liệu cho Dịch vụ chăm sóc tóc**

1. Đánh giá tình trạng tóc và da đầu của khách hàng (nghĩa là thăm định)
2. Nhận biết các tình trạng chăm dịch vụ (nghĩa là chống chỉ định)
3. Xác định các dịch vụ hoặc sản phẩm
4. Nhận biết mục đích và giải thích kết quả kiểm tra sơ bộ (ví dụ: kiểm tra dị ứng bẩm sinh và kiểm tra tóc)
5. Thiết lập/Duy trì hồ sơ khách hàng (ví dụ: lịch sử dịch vụ, thẻ khách hàng, tiền sử y tế)

**B. Các công cụ được sử dụng trong Dịch vụ chăm sóc tóc**

1. Xác định chức năng, mục đích và quy trình kiểm soát lây nhiễm của các công cụ được sử dụng trong dịch vụ tóc:
  - a. Thiết bị (ví dụ: ghế, nơi làm việc)
  - b. Dụng cụ (ví dụ: dao cạo, kéo, lược/chổi)
  - c. Dụng cụ và nguyên liệu (ví dụ: khăn tắm, khăn trùm, băng quấn cổ)
  - d. Dụng cụ điện (ví dụ: máy uốn xoắn, máy sấy tóc, kéo xén)
  - e. Quy trình tẩy trùng đúng cách
2. Nhận biết cách thực hành an toàn để sử dụng các dụng cụ (nghĩa là các thiết bị, phương tiện, dụng cụ, công thái học)

**C. Chăm sóc tóc**

1. Áp dụng kiến thức về các nguyên tắc và quy trình gội đầu và dùng dầu xả
2. Áp dụng kiến thức về các nguyên tắc và quy trình điều trị da đầu và mát xa da đầu
3. Áp dụng kiến thức về quần khăn (ví dụ: hóa chất, dầu gội, cắt)

**D. Thiết kế Tóc**

1. Áp dụng kiến thức về các nguyên tắc, quy trình và an toàn khi cắt tóc và tạo dáng tóc
2. Áp dụng kiến thức về các nguyên tắc, quy trình và an toàn khi tạo kiểu tóc:
  - a. Tạo kiểu ướt
  - b. Tạo kiểu bằng nhiệt
  - c. Tạo kiểu tóc tự nhiên (ví dụ: tết tóc)
3. Áp dụng kiến thức về các nguyên tắc, quy trình và an toàn liên quan đến việc cải thiện tình trạng tóc:
  - a. Ghép và tháo tóc giả:
    - i. Tết và buộc tóc
    - ii. Gắn tóc
    - iii. Nối tóc bằng chất nóng chảy
    - iv. Làm co tóc bằng ống
    - v. Nối tóc
4. Áp dụng các nguyên tắc về cân đối và tạo kiểu (ví dụ: hình dạng khuôn mặt, cấu trúc vật lý)

**E. Dịch vụ hóa chất**

1. Áp dụng kiến thức về các nguyên tắc, quy trình và an toàn đối với:
  - a. Nhuộm tóc (bao gồm cả sửa màu)
  - b. Tẩy màu tóc
  - c. Nhuộm bằng giấy bạc
  - d. Duỗi/tái cấu trúc tóc bằng hóa chất và giảm xoắn
    - i. Hydroxit
    - ii. Lưu huỳnh
    - iii. Keratin
  - e. Tạo sóng/tạo kết cấu tóc bằng hóa chất:
    - i. Kiềm
    - ii. Axit
    - iii. Không có lưu huỳnh
    - iv. Keratin

**LĨNH VỰC 3: CHĂM SÓC DA VÀ CÁC DỊCH VỤ (15%)**

A. Tư vấn khách hàng, Phân tích và Lập tài liệu cho Dịch vụ chăm sóc da

1. Đánh giá tình trạng da của khách hàng:
  - a. Loại da
  - b. Tình trạng da
2. Xác định chống chỉ định:
  - a. Rối loạn
  - b. Bệnh
3. Xác định các dịch vụ và sản phẩm
4. Thiết lập/Duy trì hồ sơ khách hàng (ví dụ: lịch sử dịch vụ, thẻ khách hàng, tiền sử y tế)

B. Các công cụ được sử dụng cho các dịch vụ chăm sóc da

1. Xác định chức năng, mục đích và quy trình kiểm soát lây nhiễm của các công cụ:
  - a. Thiết bị (ví dụ: ghế, máy xông hơi)
  - b. Dụng cụ (ví dụ: nhíp, chổi, dụng cụ nặn mụn)
  - c. Dụng cụ, sản phẩm và nguyên liệu (ví dụ: kem, mặt nạ, khăn tắm, khăn choàng quanh người và mũ chụp tóc)
  - d. Quy trình tẩy trùng đúng cách
2. Nhận biết và hiểu cách thực hành an toàn để sử dụng các dụng cụ (nghĩa là các thiết bị, phương tiện, dụng cụ, công thái học)

C. Các dịch vụ chăm sóc da mặt

1. Áp dụng kiến thức về các nguyên tắc, quy trình và an toàn đối với:
  - a. Làm sạch
  - b. Xông hơi
  - c. Tẩy da chết
  - d. Nặn mụn
  - e. Mát xa
  - f. Đắp mặt nạ
  - g. Làm sạch lông:
    - i. Nhổ lông
    - ii. Tẩy lông
    - iii. Tẩy lông bằng sáp cứng
    - iv. Tẩy lông bằng sáp lỏng
  - h. Trang điểm mặt
  - i. Thiết bị điện

**LĨNH VỰC 4: CHĂM SÓC MÓNG VÀ CÁC DỊCH VỤ (15%)**

A. Tư vấn khách hàng, Phân tích và Lập tài liệu cho dịch vụ chăm sóc móng

1. Đánh giá tình trạng móng của khách hàng:
2. Xác định chống chỉ định:
  - a. Rối loạn
  - b. Bệnh
3. Xác định các dịch vụ và sản phẩm
4. Thiết lập/Duy trì hồ sơ khách hàng (ví dụ: lịch sử dịch vụ, thẻ khách hàng, tiền sử y tế)

B. Các công cụ được sử dụng trong dịch vụ chăm sóc móng

1. Xác định chức năng, mục đích và quy trình kiểm soát lây nhiễm của các công cụ:
  - a. Thiết bị (ví dụ: nơi làm việc, bồn ngâm chân)
  - b. Dụng cụ (ví dụ: kềm bấm móng, dũa)
  - c. Dụng cụ, sản phẩm và nguyên liệu (ví dụ: khăn tắm, kem, nước bóng)
  - d. Quy trình tẩy trùng đúng cách
2. Nhận biết và hiểu cách thực hành an toàn để sử dụng các dụng cụ (nghĩa là các thiết bị, phương tiện, dụng cụ, công thái học)

C. Áp dụng kiến thức về các nguyên tắc, quy trình và an toàn đối với việc cắt sửa móng tay và chăm sóc móng chân cơ bản

D. Áp dụng kiến thức về các nguyên tắc, quy trình và an toàn đối với việc đắp, dưỡng và tháo bỏ phụ kiện móng:

1. Mẹo chăm sóc móng
2. Acrylic

## **CÂU HỎI MẪU CỦA KỶ THI LÝ THUYẾT KHOA MỸ DUNG**

---

Những câu hỏi mẫu sau đây tương tự như trong Kỳ thi lý thuyết khoa mỹ dung NIC. Mỗi câu hỏi có bốn lựa chọn trả lời theo sau. Mỗi câu hỏi chỉ có một câu trả lời hoặc một lựa chọn đúng. Đáp án câu trả lời được cung cấp phía dưới câu hỏi mẫu. Hiệu suất đối với câu hỏi mẫu có thể không thể hiện ở kỳ thi NIC.

1. Biện pháp nào sau đây sẽ củng cố và tái tạo sợi tóc?
  - (A) Điều trị da đầu
  - (B) Dầu gội cân bằng
  - (C) Chải tóc
  - (D) Dầu xả có chứa protein
2. Khi tóc bị hỏng, phần nào sau đây sẽ làm ức chế mọc tóc?
  - (A) Bầu tóc
  - (B) Thân tóc
  - (C) Lớp biểu bì
  - (D) Cơ nâng tóc
3. Tình trạng gây ra do bị chấy cắn là
  - (A) viêm chân tóc.
  - (B) ghẻ.
  - (C) bội nhiễm chấy.
  - (D) nấm da đầu.
4. Quy trình nào sau đây được dùng để loại bỏ rác vụn khỏi các công cụ và phương tiện?
  - (A) Làm sạch
  - (B) Tẩy trùng
  - (C) Khử trùng
  - (D) Tiệt trùng
5. Dụng cụ nào làm tăng độ sáng và làm nhẵn gờ lượn sóng trên móng tự nhiên trong quá trình làm móng?
  - (A) Dũa thô
  - (B) Dũa kim loại
  - (C) Chổi sơn móng
  - (D) Dụng cụ đánh bóng móng

**CIB KỶ THI LÝ THUYẾT KHOA MỸ DUNG QUỐC GIA NIC**

---

6. Tên gọi khác đối với lớp hạ bì của da là gì?  
(A) Lớp gai  
(B) Lớp sừng  
(C) Da thật  
(D) Tế bào nền
7. Chuyển động mát xa nhằm làm dịu cơ bắp là  
(A) đấm bóp.  
(B) vỗ.  
(C) chà xát.  
(D) xoa da.
8. Sản phẩm nào có thể được sử dụng để cân bằng độ xốp của tóc?  
(A) Dầu gội đầu  
(B) Chất làm dày tóc  
(C) Chất tẩy tóc  
(D) Chất mọc tóc

**ĐÁP ÁN: 1: D, 2: A, 3: C, 4: A, 5: D, 6: C, 7: D, 8: B**

---

Để tham gia Kỳ thi thực hành trực tuyến khoa mỹ dung NIC (Chỉ bằng tiếng Anh) **NHẬP VÀO ĐÂY** hoặc đi đến:  
<https://www.iqtesting.com/registrationv2008/quickregister.aspx> (áp dụng khoản phí \$39,00)  
Đề được hỗ trợ, vui lòng gọi IQT theo số 1-866-773-1114.